

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam diễn biến giằng co và tăng giá ở cuối phiên trước tình hình dịch bệnh cơ bản được kiểm soát

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng điểm nhờ diễn biến tích cực của TTCK toàn cầu

[Thông tin doanh nghiệp]

VIC, DBC

[Quan điểm đầu tư]

Nắm giữ vị thế trung hạn và chờ các phiên tăng vượt đỉnh để chốt lời 1 phần vị thế ngắn hạn.

03/03/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,186.95	+0.03
VN30	1,195.60	+0.07
HĐTL VN30F1M	1,199.50	+0.46
HNXIndex	254.10	+2.48
HNX30	375.61	+0.56
UPCoM	78.10	+0.83
USD/VND	23,024	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.31	+0
Lãi suất qua đêm (%)	0.28	+11
Dầu (WTI, \$)	60.06	+0.52
Vàng (LME, \$)	1,727.80	-0.61

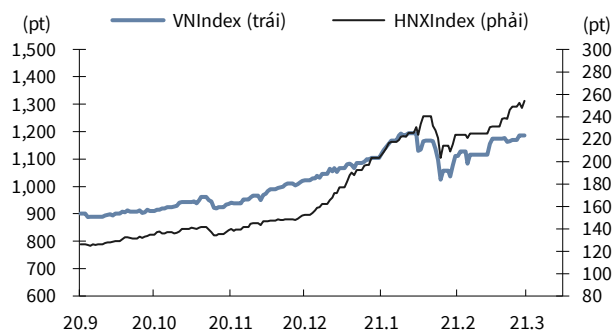


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,186.95 (+0.03%)
KLGD (triệu CP)	584.5 (+14.1%)
GTGD (triệu US\$)	664.4 (+0.5%)
HNXIndex	254.10 (+2.48%)
KLGD (triệu CP)	118.1 (-0.2%)
GTGD (triệu US\$)	77.1 (-8.6%)
UPCoM	78.10 (+0.83%)
KLGD (triệu CP)	58.5 (-32.1%)
GTGD (triệu US\$)	35.6 (+9.0%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-21.3

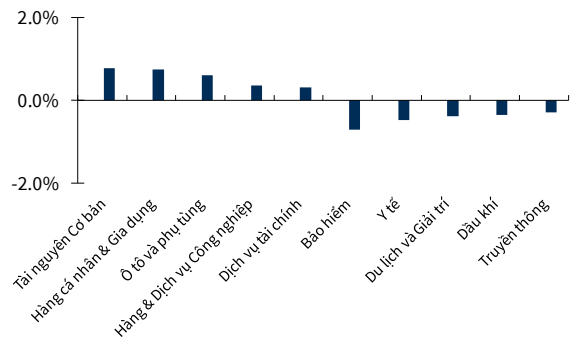
TTCK Việt Nam diễn biến giằng co và tăng giá ở cuối phiên trước tình hình dịch bệnh cơ bản được kiểm soát khi không ghi nhận ca nhiễm mới trong cộng đồng trong 24h qua, trong khi tâm dịch tại thành phố Chí Linh, Hải Dương cũng đã được gỡ bỏ phong tỏa và cách ly y tế. Giá dầu giảm do dự báo rằng nhóm OPEC+ có thể thảo luận cho phép 1.5 triệu thùng dầu/ngày quay trở lại thị trường sau phiên họp vào ngày 04/3 tới đây khiến cổ phiếu nhóm dầu khí giảm giá như PVD (-1.7%), PVS (-0.4%). Theo Phó Chủ tịch Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), với kết quả tích cực trong sản xuất kinh doanh năm 2020, ngành thép đặt kế hoạch tăng trưởng năm 2021 khoảng 5%-6% giúp cổ phiếu ngành thép tăng giá ở NKG (+6%), HPG (+0.2%). Cổ phiếu ngành đạm tăng giá mạnh ở LAS (+10%), DCM (+6.7%) nhờ giá phân bón tăng mạnh trong thời gian qua và nguy cơ thiếu hụt trầm trọng DAP trong khi vụ xuân hè đang đến gần. Khối ngoại bán ròng ở CTG (+1.6%), VNM (-0.4%), VIC (-1.2%).

VNIndex & HNXIndex



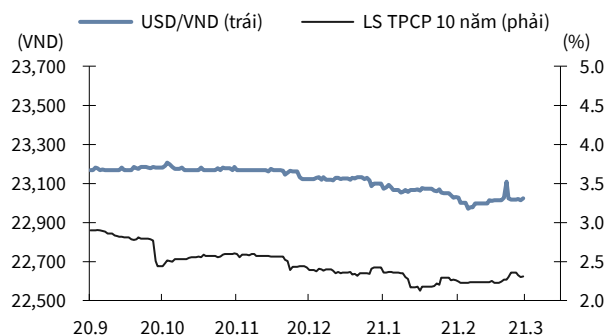
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



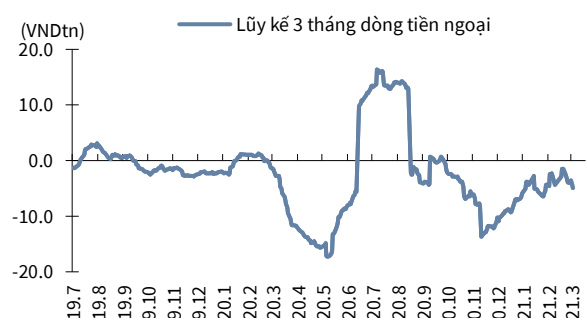
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



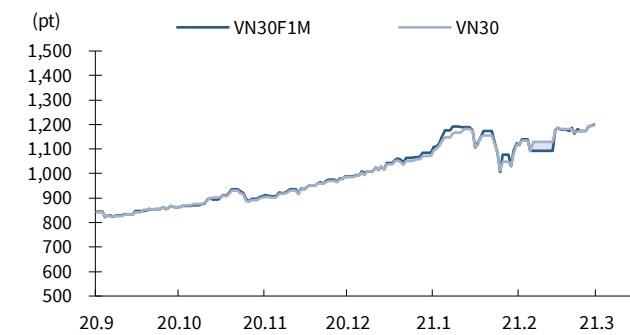
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,195.60 (+0.07%)
VN30F1M	1,199.5 (+0.46%)
Mở cửa	1,192.2
Cao nhất	1,200.5
Thấp nhất	1,190.2
KLGD (HĐ)	125,623 (-9.0%)

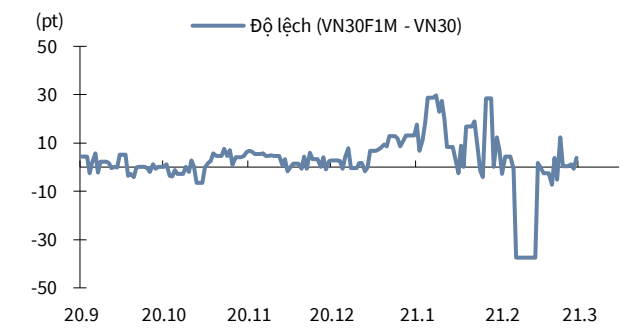
HĐTL tăng điểm nhờ diễn biến tích cực của TTCK toàn cầu. Chênh lệch F2103 và VN30 mở cửa ở mức -2.40 và mở rộng dần, đóng cửa ở mức 3.9. NĐTNN bán ròng trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường không có nhiều thay đổi.

HĐTL VN30F1M & VN30



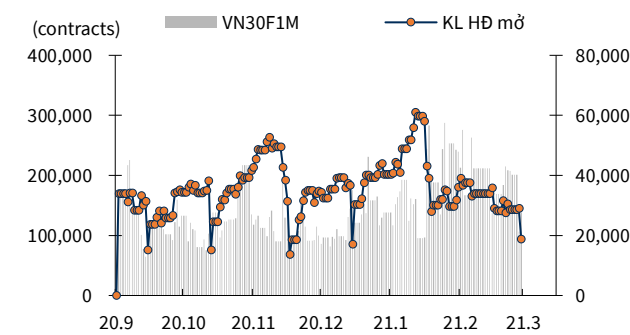
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



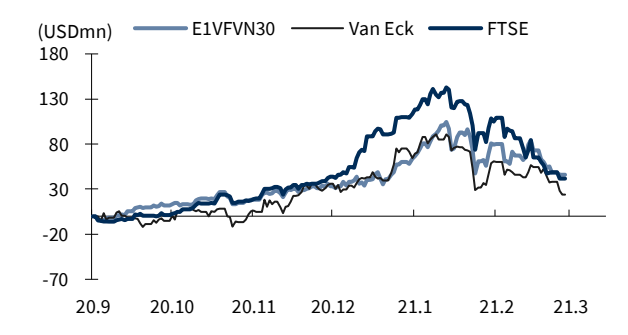
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

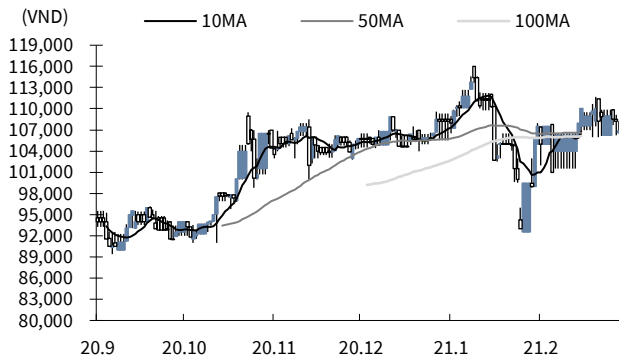
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Vingroup (VIC)

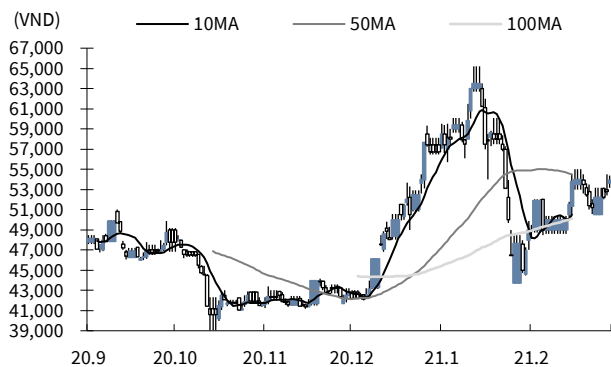


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VIC giảm -1.2% xuống 106,800 VNĐ/cp.

- VinFast, công ty con của VIC, và ProLogium đã ký kết biên bản ghi nhớ về việc hợp tác chiến lược. Theo thỏa thuận, VinFast và ProLogium sẽ thành lập liên doanh sản xuất pin thể rắn cho xe ô tô điện tại Việt Nam và liên doanh này sẽ được tiếp cận các bằng sáng chế và được phép sử dụng công nghệ đóng gói pin thể rắn MAB của ProLogium để sản xuất gói pin thể rắn CIM/CIP tại Việt Nam.

Dabaco (DBC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DBC tăng 2.1% lên 53,900 VNĐ/cp.

- DBC công bố kết quả sản xuất kinh doanh 2 tháng đầu năm với lợi nhuận trước thuế 268 tỷ đồng, thực hiện 30% kế hoạch năm và doanh thu 2,280 tỷ đồng.
- Dabaco có kế hoạch hoàn thành nhà máy thức ăn thủy sản Nutreco Hoàn Sơn trong tháng 3/2021 đồng thời triển khai các dự án khu chăn nuôi đã được phê duyệt tại Hòa Bình, Phú Thọ, Thanh Hóa, Bình Phước.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co trong biên độ hẹp trong phiên hôm nay.
- Trạng thái thị trường đang khá trung tính và để ngỏ rủi ro xuất hiện các nhịp điều chỉnh gối đầu ngắn. Mặc dù vậy, xu hướng tăng vẫn đang đóng vai trò chủ đạo và chúng tôi tiếp tục bảo lưu khả năng vượt đỉnh của chỉ số.
- NĐT được khuyến nghị nắm giữ vị thế trung hạn và chờ các phiên tăng vượt đỉnh để chốt lời 1 phần vị thế ngắn hạn.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1210 - 1215

Kháng cự gần: 1202 - 1207

Hỗ trợ gần: 1193 - 1196

Hỗ trợ xa: 1177 - 1183

— F1 diễn biến tăng điểm nhẹ với đà tăng mở rộng vào cuối phiên.

— Chỉ số nhiều khả năng sẽ thử thách một lần nữa vùng kháng cự quanh 1200 với khả năng vượt đỉnh là hiện hữu. Mặc dù vậy, diễn biến rung lắc sẽ còn gây sức ép lên F1 trong quá trình đi lên.

— Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục ưu tiên mở vị thế LONG tại các nhịp điều chỉnh về quanh hỗ trợ và nhưng chốt lời quay vòng thành từng nhịp ngắn khi chỉ số vượt đỉnh.

— Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế LONG đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

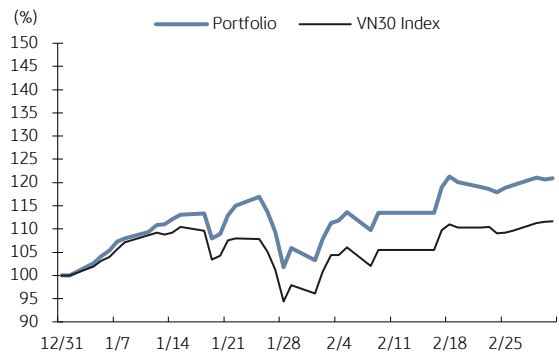
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.07%	0.24%
Tăng lũy kế (YTD)	11.66%	20.90%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 03/03/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	136,200	0.3%	17.5%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	36,200	0.8%	48.0%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	84,600	0.7%	10.4%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	28,000	-0.4%	64.8%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	57,100	0.4%	67.9%	- Mạng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	77,700	-0.3%	132.1%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	38,600	1.6%	58.2%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	91,000	0.0%	24.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	46,800	0.2%	139.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	38,850	-1.0%	183.6%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PLX	0.0%	15.3%	136.1
VRE	2.3%	31.1%	64.6
DCM	6.7%	2.4%	21.4
VJC	-0.4%	19.2%	15.4
HPG	0.2%	30.9%	14.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CTG	1.6%	28.4%	-150.0
VNM	-0.4%	57.4%	-105.0
VIC	-1.2%	14.1%	-63.8
VHM	-1.3%	22.4%	-61.7
VCB	-0.9%	23.7%	-52.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
NVB	1.3%	8.4%	0.9
BNA	4.0%	1.0%	0.7
BAX	-0.2%	8.0%	0.6
GLT	0.0%	18.9%	0.5
DXP	0.0%	11.9%	0.4

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
BVS	-0.9%	12.6%	-4.6
VCS	1.1%	3.6%	-2.1
API	1.8%	39.6%	-1.7
MBS	1.8%	0.2%	-1.5
PVS	-0.4%	10.0%	-0.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	8.5%	HPG, HSG
Du lịch và Giải trí	5.8%	HVN, VJC
Hàng cá nhân & Gia dụng	5.2%	RAL, PNJ
Hóa chất	4.2%	GVR, DCM
Dịch vụ tài chính	3.6%	SSI, HCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Thực phẩm và đồ uống	-0.1%	VNM, SAB
Bất động sản	0.2%	VIC, VHM
Y tế	0.3%	PME, TNH
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.3%	LGC, PDN
Truyền thông	0.9%	PNC, YEG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	17.7%	FPT, CMG
Tài nguyên Cơ bản	17.0%	PLX, PVD
Dầu khí	16.9%	HPG, HSG
Ngân hàng	12.0%	TCB, VPB
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	10.7%	GAS, BWE

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-6.1%	YEG, YEG
Thực phẩm và đồ uống	0.7%	TCH, SRC
Ô tô và phụ tùng	0.7%	SAB, MSN
Y tế	2.7%	DHG, PME
Xây dựng và Vật Liệu	4.8%	BIC, BMI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	106,900	361,582 (15,705)	145,225 (6.3)	22.6	43.9	30.9	11.1	8.5	11.0	3.4	3.1	-1.2	-1.2	-0.6	-1.2
	VHM	VINHOMES JSC	101,500	333,886 (14,502)	293,029 (12.7)	26.6	10.9	9.0	37.1	30.1	28.4	2.9	2.2	-1.3	-1.3	4.4	13.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	35,500	80,667 (3,504)	192,217 (8.4)	17.9	26.5	19.6	-7.6	10.2	12.2	2.6	2.4	2.3	5.3	7.3	13.1
	NVL	NO VA LAND INVES	81,400	86,606 (3,762)	180,951 (7.9)	31.6	20.1	17.9	6.4	12.2	11.7	2.6	2.2	2.6	1.2	-1.9	24.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	32,800	18,329 (796)	47,597 (2.1)	12.4	15.2	11.0	17.7	15.4	16.8	2.1	1.8	0.0	-0.3	3.6	11.9
	DXG	DAT XANH GROUP	23,300	12,076 (525)	191,009 (8.3)	14.5	9.8	8.7	-	19.0	18.4	1.6	1.4	0.9	-2.3	11.8	46.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	98,400	364,954 (15,851)	137,067 (6.0)	6.3	17.7	14.2	17.8	20.2	21.4	3.1	2.6	-0.9	0.3	-0.5	0.5
	BID	BANK FOR INVESTM	43,800	176,164 (7,651)	73,931 (3.2)	12.7	18.0	11.6	4.9	12.8	16.5	2.0	1.8	-0.6	1.7	5.9	-8.6
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	40,350	141,423 (6,142)	579,377 (25.2)	0.0	9.5	8.4	14.4	18.2	17.4	1.6	1.3	0.1	3.2	15.3	28.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	38,600	143,723 (6,242)	375,861 (16.3)	1.6	10.2	8.6	61.0	16.1	16.7	1.5	1.3	1.6	2.9	10.6	11.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,600	102,118 (4,435)	250,003 (10.9)	0.0	9.0	7.6	18.8	19.3	19.0	1.6	1.3	2.1	4.8	17.3	28.0
	MBB	MILITARY COMMERC	28,000	78,365 (3,404)	502,583 (21.8)	0.0	7.7	6.4	14.6	20.0	20.3	1.4	1.2	-0.4	3.7	15.5	22.9
	HDB	HDBANK	26,950	42,952 (1,866)	110,280 (4.8)	4.2	8.3	7.0	23.4	19.5	18.7	-	-	0.9	5.9	12.3	13.5
	STB	SACOMBANK	19,000	34,269 (1,488)	407,610 (17.7)	14.3	13.1	7.9	32.4	9.1	13.5	1.1	1.0	-0.8	3.5	5.6	12.4
	TPB	TIEN PHONG COMME	29,750	30,692 (1,333)	84,762 (3.7)	0.0	8.1	6.7	37.5	20.5	20.2	1.6	1.3	0.0	8.6	11.0	11.0
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,750	23,052 (1,001)	10,666 (0.5)	0.2	38.7	37.4	27.3	3.6	3.6	1.4	1.3	-0.3	3.0	4.7	-2.6	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,300	45,504 (1,976)	45,154 (2.0)	21.1	29.2	25.5	15.2	8.1	8.6	2.2	2.0	-0.8	2.7	4.8	-7.1
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,650	2,435 (106)	7,631 (0.3)	14.3	13.1	11.4	8.4	9.3	10.2	1.0	1.0	-0.9	1.3	5.3	-12.9
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	34,850	20,876 (907)	447,755 (19.5)	56.6	-	-	0.0	-	-	-	-	-0.6	4.2	17.3	5.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	54,500	9,025 (392)	52,967 (2.3)	72.4	11.7	-	-4.0	17.9	-	-	-	0.0	0.9	5.2	-6.4
	HCM	HO CHI MINH CITY	31,150	9,502 (413)	133,846 (5.8)	53.0	17.9	-	-19.0	12.1	-	-	-	0.5	6.7	14.1	-0.8
	VND	VNDIRECT SECURIT	28,850	6,016 (261)	112,820 (4.9)	28.3	-	-	36.7	11.2	-	-	-	-0.5	3.8	17.3	-3.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	104,500	218,400 (9,486)	309,738 (13.5)	42.6	19.8	18.0	4.0	37.2	37.0	6.4	5.7	-0.4	-1.2	-4.7	-4.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	182,800	117,226 (5,091)	28,896 (1.3)	36.9	22.1	19.4	7.3	25.5	26.2	5.0	4.7	-1.4	-1.3	2.1	-6.3
	MSN	MASAN GROUP CORP	90,500	106,309 (4,617)	131,315 (5.7)	16.5	37.9	22.6	-51.9	14.9	19.9	4.9	4.0	-0.4	-0.5	1.8	1.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,700	12,970 (563)	66,769 (2.9)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.4	2.2	4.5	-19.6
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	137,200	71,871 (3,122)	92,927 (4.0)	10.8	46.5	21.9	-88.3	14.1	18.3	4.4	3.8	-0.4	4.0	4.7	9.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,600	10,126 (440)	88,301 (3.8)	10.3	22.1	16.3	-57.3	7.5	9.9	1.6	1.5	-1.2	2.9	15.7	3.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,150	5,290 (230)	49,035 (2.1)	38.5	15.9	5.7	78.0	7.3	16.8	-	-	-0.4	1.4	2.3	3.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,550	2,015 (88)	68,667 (3.0)	46.6	-	-	-89.3	-	-	-	-	3.5	2.3	-1.7	40.3
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	22,750	10,965 (476)	108,807 (4.7)	38.3	13.1	8.1	-13.8	12.4	17.5	-	-	0.0	7.3	12.9	1.1
	CTD	COTECCONS CONSTR	74,800	5,556 (241)	55,577 (2.4)	3.7	10.5	10.3	-43.9	6.5	6.7	0.7	0.7	-0.5	-0.3	5.4	-3.7
	REE	REE	57,100	17,647 (766)	56,784 (2.5)	0.0	9.9	8.2	-4.5	14.7	15.3	1.4	1.3	0.4	0.2	5.7	16.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	91,000	174,169 (7,565)	104,126 (4.5)	46.1	17.5	16.6	-18.6	19.8	20.5	3.5	3.4	0.0	3.3	13.8	5.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,800	6,564 (285)	14,710 (0.6)	32.2	13.4	10.0	-10.5	11.9	15.9	1.5	1.5	0.0	0.4	-4.6	-7.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	28,400	9,105 (395)	12,517 (0.5)	34.1	12.4	11.9	-5.1	11.2	12.4	1.5	1.5	0.5	1.8	10.1	16.2
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	46,800	155,062 (6,735)	1,073,709 (46.6)	18.1	10.2	8.9	25.2	23.0	22.3	2.3	1.8	0.2	7.3	11.4	12.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	18,450	7,220 (314)	38,573 (1.7)	36.7	11.0	11.9	0.2	8.6	8.2	0.9	0.9	0.8	9.2	15.7	-1.9
	DCM	PETRO CA MAU FER	15,950	8,444 (367)	52,400 (2.3)	46.6	18.8	20.6	-4.3	7.8	7.1	1.3	1.3	6.7	18.1	26.6	13.9
	HSG	HOA SEN GROUP	28,100	12,485 (542)	262,632 (11.4)	39.9	10.1	8.7	67.9	17.1	16.1	1.6	1.4	0.7	10.0	17.6	26.9
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	14,800	3,282 (143)	36,881 (1.6)	97.3	9.7	8.7	21.9	10.3	11.0	0.8	0.8	0.0	5.7	11.3	2.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	58,500	71,301 (3,097)	105,026 (4.6)	4.7	22.0	17.9	-49.7	15.9	17.2	3.1	3.0	-0.2	2.1	15.8	7.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,550	9,918 (431)	279,382 (12.1)	40.5	52.1	26.0	-11.9	1.2	2.7	0.7	0.7	-1.7	2.8	25.9	45.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,400	5,632 (245)	93,545 (4.1)	36.1	8.6	8.0	-0.1	13.5	14.1	1.2	1.1	0.0	1.8	6.1	24.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	136,200	63,486 (2,757)	180,773 (7.9)	0.0	12.6	9.8	13.7	28.3	28.9	3.1	2.6	0.3	1.8	6.8	14.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	84,600	19,235 (835)	51,416 (2.2)	0.0	15.4	12.3	7.0	23.2	24.7	3.2	2.5	0.7	2.2	2.1	4.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,600	1,270 (055)	1,252 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	1.0	1.2	-11.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,700	2,267 (098)	41,650 (1.8)	30.7	17.8	13.6	-75.2	9.2	13.4	1.8	1.7	-1.0	1.1	11.0	-10.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	63,600	8,618 (374)	57,287 (2.5)	34.5	10.5	10.5	41.2	26.4	23.4	2.5	2.6	0.6	3.4	8.3	1.0
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,100	13,088 (568)	1,123 (0.0)	45.4	17.1	16.4	10.7	21.2	20.5	3.3	3.1	-0.4	-0.2	-0.7	-3.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	74,500	5,588 (243)	167 (0.0)	10.4	-	-	1.7	-	-	-	-	-6.9	-6.9	0.7	-2.6
IT	FPT	FPT CORP	77,700	60,909 (2,645)	206,370 (9.0)	0.0	15.4	13.3	15.5	25.1	25.8	3.5	3.1	-0.3	3.1	11.0	31.5

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.